

Phụ lục số 04  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ HDND TỈNH CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN**  
 (Kèm theo Văn bản số /UBND-TCKH ngày / /2024 của UBND thành phố Quy Nhơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án						Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện dự án	Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí các năm 2021-2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Dự kiến thời gian bố trí vốn kéo dài đến năm	Tình hình triển khai thực hiện dự án	Nguyên nhân làm kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Cấp phê duyệt CTĐT	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Thời gian khởi công hoàn thành		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã		Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã		Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
A	Dự án có sử dụng vốn ngân sách tỉnh																								
B	Dự án không sử dụng vốn ngân sách tỉnh				1.534.994	0	1.534.994	0	26.246	230.331	0	230.331	696.800	0	696.800	388.189	0	388.189	60.000	0	60.000				
1	HTKT khu dân cư khu vực 6 phường Nhơn Bình	B	Quyết định số 7746/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; Văn bản số 29/TTHĐND ngày 04/10/2018.	UBND thành phố Quy Nhơn; HDND thành phố	120.569		120.569	2016-2023	2016	86.367		86.367	1.500		1.500							2024	Thi công khối lượng ước đạt 92% giá trị hợp đồng	Vương GPMB	
2	HTKT khu dân cư khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	B	13/NQ-HĐND ngày 08/8/2022	HDND thành phố	285.531		285.531	2018-2024	2021	1.372		1.372	100.000		100.000	57.879		57.879	13.000		13.000	2026	Thi công khối lượng ước đạt 8% giá trị hợp đồng	Vương GPMB; chưa có giấy phép khai thác mỏ đất	
3	HTKT Khu dân cư khu vực 9, P. Trần Quang Diệu	B	12/NQ-HĐND ngày 08/8/2022	HDND thành phố	122.391		122.391	2019-2023	2019	8.415		8.415	80.000		80.000	67.057		67.057	9.000		9.000	2025	Thi công khối lượng ước đạt 60% giá trị hợp đồng	Vương GPMB	
4	HTKT khu dân cư khu vực 6 phường Nhơn Bình (GD 2)	B	Văn bản số 06/TTHĐND ngày 08/01/2019 ;Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08/8/2022	HDND thành phố Quy Nhơn	147.857		147.857	2019-2023	2018	34.590		34.590	137.000		137.000	56.813		56.813	5.000		5.000	2025	Thi công khối lượng ước đạt 60% giá trị hợp đồng	Vương GPMB	
5	Đường Long Văn - Gò Tú	B	20/NQ-HĐND ngày 08/8/2022	HDND thành phố Quy Nhơn	118.953		118.953	2014-2023	2013	4.642		4.642	15.000		15.000	26.537		26.537	9.000		9.000	2025	Thi công khối lượng ước đạt 18% giá trị hợp đồng	Vương GPMB	
6	Khu dân cư khu vực núi Mỏ Cối, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	B	19/NQ-HĐND ngày 08/8/2022	HDND thành phố	173.000		173.000	2018-2023	2018	55.065		55.065	74.500		74.500	56.293		56.293	8.000		8.000	2025	Thi công khối lượng ước đạt 60% giá trị hợp đồng	Vương GPMB; gia hạn cấp phép khai thác mỏ đất	
7	HTKT khu dân cư khu vực 5 phường Nhơn Phú	B	18/NQ-HĐND ngày 08/8/2023	HDND thành phố	176.474		176.474	2019-2024	2020	2.457		2.457	93.900		93.900	31.215		31.215	5.000		5.000	2025	Thi công khối lượng ước đạt 20% giá trị hợp đồng	Vương GPMB	
8	Khu dân cư phía Bắc khu TĐC Tiểu dự án vệ sinh môi trường (phần mở rộng)	B	56/TTHĐND ngày 19/8/2019	Thường trực HDND thành phố Quy Nhơn	91.486		91.486	2019-2023	2019	28.923		28.923	54.000		54.000	37.372		37.372	1.000		1.000	2024	Thi công khối lượng ước đạt 92% giá trị hợp đồng	Vương GPMB	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án						Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện dự án	Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công đến hết năm 2020			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn đã bố trí các năm 2021-2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Dự kiến thời gian bố trí vốn kéo dài đến năm	Tình hình triển khai thực hiện dự án	Nguyên nhân làm kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Cấp phê duyệt CTĐT	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Thời gian khởi công hoàn thành		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã		Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã		Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
9	Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh phường Nhơn Bình	B	Văn bản số 117/TTHĐND ngày 28/8/2020	Thường trực HĐND thành phố Quy Nhơn	250.989		250.989	2020-2024	2022				100.000		100.000	16.500		16.500	10.000		10.000	2026	Đã bàn giao mặt bằng	Vướng GPMB; Hồ sơ xin cấp phép khai thác mỏ đất khó khăn	
10	Mở rộng nghĩa trang Búi Thị Xuân	C	Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 07/02/2018; Quyết định số 10159/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	UBND TP Quy Nhơn	17.314		17.314	2017-2023	2017	8.500		8.500	14.000		14.000	14.000		14.000				2024		Hiện nay đơn vị thi công đã Hiện nay hoàn thành khối lượng trên phần diện tích khoảng 3,6 ha đã bàn giao (đợt 1). UBND thành phố đồng ý dừng chủ trương thực hiện giai đoạn 2 tại Văn bản số 4647/UBND-ĐT. Đang thực hiện phần diện tích giai đoạn 2 của dự án điều chỉnh nội dung quy hoạch thành đất nghĩa trang hiện trạng	
11	Trường TH Nhơn Phú (cơ sở 1,2,3) Hàng mục: Các phòng học và chức năng	C	8292/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	UBND TP Quy Nhơn	20.188		20.188	2021-2022	2021				18.100		18.100	16.950,367		16.950,367				2024	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	Gói thầu TB thuộc DA khi bàn giao không đảm bảo chất lượng phải tạm dừng hợp đồng. Bên nhà thầu đã khởi kiện và đang chờ kết quả xử lý	
12	Trường TH Trần Quốc Toản (Nhà lớp học và chức năng)	C	500/QĐ-UBND ngày 27/01/2021	UBND TP Quy Nhơn	5.385		5.385	2021-2022	2021				4.900		4.900	4.213,439		4.213,439				2024	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	Gói thầu TB thuộc DA khi bàn giao không đảm bảo chất lượng phải tạm dừng hợp đồng. Bên nhà thầu đã khởi kiện và đang chờ kết quả xử lý	
13	Trường TH Lý Thường Kiệt (Nâng tầng nhà lớp học 10 phòng)	C	4061/QĐ-UBND ngày 09/06/2021	UBND TP Quy Nhơn	4.856		4.856	2021-2022	2021				3.900		3.900	3.361,271		3.361,271				2024	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	Gói thầu TB thuộc DA khi bàn giao không đảm bảo chất lượng phải tạm dừng hợp đồng. Bên nhà thầu đã khởi kiện và đang chờ kết quả xử lý	